BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**
Năm báo cáo: **2011**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng Tư năm 2012

MỤC LỤC

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN 1

II. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU 2011 3

III. VỀ ACBS 3

1. Tổng quan về ACBS 3

2. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển 4

3. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ACBS 5

4. Ngành nghề kinh doanh 6

5. Các công ty có liên quan 7

6. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp 7

IV. TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2011 9

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam 9

2. Tổng quan TTCK Việt Nam 10

3. KQKD năm 2011 và định hướng hoạt động năm 2012 của ACBS 12

4. Giải thưởng và các danh hiệu nổi bật 13

5. Ý kiến của khách hàng về ACBS 13

V. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH 14

1. Sơ đồ tổ chức 14

2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát 15

3. Ban Tổng giám đốc 17

4. Năng lực cốt lõi 18

5. Quản trị rủi ro và hoạt động vận hành 21

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ACBS 24

1. Hoạt động môi giới 24

2. Hoạt động đầu tư chứng khoán năm 2011 26

3. Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành 27

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 29

1. Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2011 29

2. Thuyết minh BCTC hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2011 29

VIII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG 29

I. PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Thưa các Quý vị,

Thay mặt toàn thể nhân viên công ty chứng khoán ACB (ACBS), tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả quý khách hàng cũng như các đối tác đã gắn bó, tin tưởng, ủng hộ ACBS trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2011 là một năm khó khăn thực sự với nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 5,89%, thấp thứ 2 trong vòng 10 năm qua trong khi lạm phát lên đến 18,62%, cao thứ 2 trong vòng 10 năm qua. Trong điều kiện đó, thị trường chứng khoán đã suy giảm năm thứ 2 liên tiếp với mức suy giảm lên đến 24,5% đối với VN-Index và 48,6% với HNX Index. Thanh khoản của thị trường cũng giảm gần 60% trên cả 2 sàn.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều biến động và tiềm ẩn rủi ro, ACBS đã tập trung nâng cao năng lực quản trị và điều hành, tăng cường quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao năng lực tài chính. Ngoài ra, Hội đồng Thành viên, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên ACBS nhận thức rõ thị trường suy giảm là cơ hội để kiện toàn hệ thống, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Những nỗ lực cải tiến và thay đổi chính mình của ACBS đã phần nào được khách hàng ghi nhận trong năm 2011 với việc thị phần môi giới của ACBS tăng trên 20% và ACBS được nhóm khách hàng định chế tài chính quốc tế đánh giá là đơn vị có chất lượng dịch vụ tốt nhất. Đây là động lực quan trọng để chúng tôi tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ trong thời gian tới.

Năm 2012 dự kiến vẫn sẽ là một năm khó khăn của nền kinh tế với dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ thấp hơn cả năm 2011, số lượng doanh nghiệp đóng cửa tăng cao và tỉ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tăng cao. Tuy nhiên những tín hiệu đầu tiên về ổn định kinh tế vĩ mô đã xuất hiện với chỉ số lạm phát giảm ổn định, thâm hụt thương mại giảm mạnh và thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện. Tính đến 31/3/2012, thị trường chứng khoán đã phục hồi mạnh mẽ với việc 2 chỉ số chính đã tăng trên 30% và thanh khoản thị trường tăng trên 50% so với trung bình năm 2011.

Với những khởi đầu thuận lợi như trên, chúng tôi tin tưởng quý khách hàng sẽ có một năm thành công với hoạt động đầu tư của mình. ACBS cam kết sẽ tiếp tục đồng hành cùng quý khách với các sản phẩm dịch vụ ngày càng hoàn thiện và đa dạng cũng như giữ vững vị trí là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.

Trân trọng,

II. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU 2011

Báo cáo tình hình tài chính

Tổng tài sản của Công ty đạt 4.477 tỷ đồng, tăng 2,71% so với năm 2010, vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2011 đạt 1.648 tỷ đồng.

	Đơn vị	2011	2010	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.477	4.356	2,71%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.648	1.627	1,29%
Doanh thu	Tỷ đồng	731	503	45,33%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	193	25	672%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	194	23	743%

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán năm 2011 đạt 731 tỷ đồng, trong đó: doanh thu từ hoạt động môi giới là 7%; hoạt động đầu tư, góp vốn chiếm 73% doanh thu; 20% doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và các hoạt động khác.

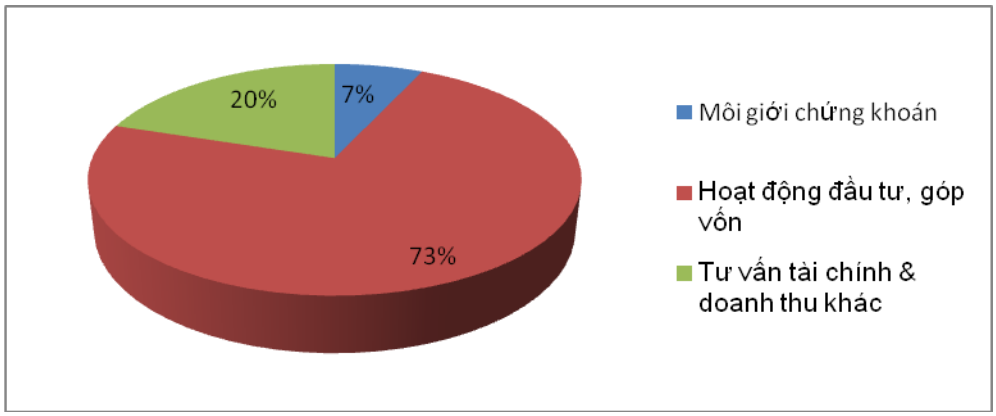

III. VỀ ACBS

1. Tổng quan về ACBS

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập vào ngày 29 tháng 6 năm 2000, do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) làm chủ sở hữu, theo giấy phép hoạt kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000.

Hội sở chính:

107N Trương Định, phường 06, quận 03, Tp.Hồ Chí Minh

Hệ thống chi nhánh/phòng giao dịch của ACBS hiện diện tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, TP.Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và Cần Thơ.

2. Tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển

2.1 Tầm nhìn và sứ mệnh:

Theo định hướng của tập đoàn ACB, ACBS cần tận dụng cơ hội tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán Việt Nam để tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế, trở thành một Ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Việt Nam và thực hiện thành công sứ mệnh là nhà môi giới tận tụy phục vụ khách hàng, là kênh đầu tư của tập đoàn ACB, là đối tác đáng tin cậy của doanh nghiệp để tìm kiếm các giải pháp tài chính, là nơi thuận lợi để phát triển sự nghiệp và cuộc sống của tập thể cán bộ nhân viên và là thành viên đóng góp tích cực trong việc tối đa hóa giá trị cổ đông của công ty mẹ.

2.2 Mục tiêu:

Trong giai đoạn 2011-2015, ACBS xác định mục tiêu trở thành 1 trong 3 ngân hàng đầu tư có quy mô và thị phần lớn nhất, hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả ở Việt Nam.

2.3 Các nguyên tắc hướng dẫn hành động:

Là một thành viên của tập đoàn ACB, ACBS tuân thủ các nguyên tắc hành động chính:

- "Một ACB" với các sản phẩm dịch vụ được tích hợp nhằm đem đến giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng, cơ hội phát triển toàn diện cho nhân viên và thực hiện mục tiêu tối đa hóa giá trị cổ đông.
- Không ngừng đổi mới và phát triển nhằm sớm đưa các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất vào áp dụng trong quản trị và điều hành, phù hợp với các điều kiện cụ thể của ACBS, ACB và thị trường Việt Nam.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích và quyền lợi của các bên liên quan.

2.4 Chiến lược phát triển:

- Tận dụng lợi thế về quy mô và đa dạng hoạt động của tập đoàn ACB
- Nâng cao năng lực tài chính và quản lý rủi ro, tích cực áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào hoạt động và quản trị.
- Nâng cao năng lực vận hành cũng như đảm bảo an toàn và ổn định hệ thống.
- Mở rộng danh mục sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

3. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của ACBS

3.1 Quá trình hình thành:

Được thành lập vào tháng 6 năm 2000, ACBS là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên của thị trường chứng khoán Việt Nam, với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).

Sau hơn 12 năm hoạt động, ACBS đã và đang phát triển lớn mạnh về tiềm lực tài chính, mạng lưới hoạt động, chất lương dịch vụ, và được đánh giá là một trong các công ty chứng khoán hàng đầu và là thương hiệu uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.2 Quá trình phát triển:

Tăng trưởng về vốn:

Từ số vốn điều lệ khiêm tốn khi thành lập là 43 tỷ đồng, ACBS đã trải qua 5 lần tăng vốn như sau:

- Tháng 9/2005: Vốn điều lệ là 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng)
- Tháng 5/2006: Vốn điều lệ là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Tháng 9/2007: Vốn điều lệ là 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng)
- Tháng 1/2008: Vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng (Một ngàn tỷ đồng)
- Tháng 11/2009 đến nay: Vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng)

Tăng trưởng về nhân sự

Trong năm 2011, tổng số nhân viên của ACBS là 278 người, giảm 9% so với 2010.

Mạng lưới

Đến cuối năm 2011: Hội sở; 1 Văn phòng đại điện, 13 Chi nhánh; 07 PGD.

4. Ngành nghề kinh doanh

Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Tư vấn tài chính doanh nghiệp:

- Tư vấn mua lại và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn phát hành chứng khoán (Phát hành lần đầu (IPO), phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ)
- Tư vấn bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn đăng ký giao dịch các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)
- Tư vấn định giá cổ phần doanh nghiệp
- Tư vấn cổ phần hóa các Doanh nghiệp
- Tư vấn chuyển đổi hình thức hoạt động doanh nghiệp (từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, từ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành Công ty cổ phần)
- Tư vấn và thực hiện đấu giá bán cổ phần

- Tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn quan hệ với nhà đầu tư
- Quản lý sổ cổ đông
- Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác.

5. Các công ty có liên quan

ACBS hiện góp 100% vốn vào công ty quản lý quỹ ACB (ACBC).

Tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ ACB (ACBC) năm 2011:

Mặc dù thị trường năm 2011 nhìn chung có nhiều khó khăn và đa số nhà đầu tư kém kỳ vọng vào tình hình lạc quan hơn của nền kinh tế, thì ACBC đã huy động thành công quỹ đại chúng đầu tiên với quy mô 240,08 tỷ đồng. Dự kiến trong năm 2012, ACBC sẽ hoàn tất các thủ tục và tiến hành niêm yết chính thức chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào quý 2 năm 2012

Kết thúc năm 2011, ACBC đạt lợi nhuận trước thuế xấp xỉ 4,8 tỷ đồng, tăng trên 85% so với năm 2010. Trong năm hoạt động, ACBC luôn thực hiện tốt và đảm bảo về tỷ lệ an toàn tài chính theo yêu cầu luật định.

Trong năm 2012, ACBC tiếp tục thực hiện quản lý Quỹ Đầu tư tăng trưởng ACB. Ngoài ra, Công ty mở rộng tìm kiếm cơ hội nhằm phát triển dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, ủy thác đầu tư, cũng như hợp tác với các đối tác khác trong việc thành lập quỹ thành viên và triển khai các sản phẩm dịch vụ liên kết với ACBS như mua bán, sáp nhập công ty.

6. Tỷ lệ sở hữu vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ vốn góp

Kể từ ngày thành lập cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, ACBS không có sự thay đổi nào về tỷ lệ vốn góp.
Các dữ liệu thống kê về thành viên góp vốn:

- Thành viên góp vốn trong nước: Tính đến ngày 31/12/2011, 100% vốn góp của ACBS do Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) góp vốn.

- Thành viên góp vốn nước ngoài: Đến cuối năm 2011, ACBS không có thành viên góp vốn nước ngoài.

Tình hình hoạt động của ACB năm 2011:

Vượt qua những biến động của nền kinh tế Việt Nam năm 2011, ACB tiếp tục hoàn thành kế hoạch kinh doanh, khẳng định vị thế một ngân hàng hàng đầu trong ngành ngân hàng Việt Nam. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của ACB đạt khoảng 4.203 tỷ đồng, bằng 1,35 lần so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó, hoạt động kinh doanh ngân hàng đạt xấp xỉ 4.175 tỷ đồng, tăng 24% so với cuối năm 2010.

Các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh của ACB đều tăng so với năm 2010. Tổng tài sản đạt 281.019 tỷ đồng, tăng 37% so với năm 2010, tương đương 9,64% tổng phương tiện thanh toán. Hoạt động tín dụng và huy động của ACB đều có tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ bình quân ngành. Tăng trưởng tiền gửi khách hàng trong năm 2011 tăng gần 35% (trong khi tăng trưởng trung bình quân ngành là 14,4%) so với năm 2010, đạt 185.637 tỷ đồng. Thị phần huy động của ACB ước tính ở mức 6,5%, tăng gần 1% so với đầu năm. Hoạt động tín dụng vẫn giữ vai trò cốt lõi tạo nên thu nhập cho ACB trong năm 2011. Với chiến lược tăng trưởng tín dụng hợp lý, cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế tăng 18%, gấp 1,5 lần bình quân ngành. Tính đến 31/12/2011, dư nợ cho vay khách hàng đạt 102.809 tỷ đồng, đưa thị phần tín dụng của ACB tăng thêm 0,2% lên 4%.

Xét về hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEtt) của ACB đạt 36% trong khi tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROAtt) giữ nguyên ở mức 1,7%.

Trong năm 2011, khi chất lượng tín dụng của ngành ngân hàng nói chung đi xuống, nhưng tại ACB, rủi ro tín dụng đã được kiểm soát tốt. ACB tập trung nhiều nguồn lực phân tích nguyên nhân và cảnh báo nguy cơ phát sinh nợ quá hạn của hệ thống đồng thời thực thi quyết liệt các giải pháp đốc thúc, xử lý thu hồi nợ. Đến cuối 2011, tỷ lệ nợ nhóm 3 đến nhóm 5 của ACB là 0,89%, chỉ bằng xấp xỉ 1/4 so với ngành (khoảng 3,4%).

Các tiểu dự án chiến lược kinh doanh đã hoàn thành đúng tiến độ trong năm 2011, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ACB.

Kế hoạch hoạt động của ACB năm 2012:

Tuy nền kinh tế Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc nhưng những khó khăn trong năm 2011 tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và ngành ngân hàng. Nhiều khả năng chính phủ sẽ tiếp tục chính sách thắt chặt tiền tệ, giảm lãi suất ngân hàng.

Kế hoạch kinh doanh của ACB được đề ra trên cơ sở những đánh giá, dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô. Theo kế hoạch, tổng tài sản dự kiến tăng 35-40%; tín dụng tăng trưởng tối đa theo mức cho phép của NHNN; lợi nhuận dự kiến đạt 5.500 tỷ đồng; nợ nhóm 3 trở lên không vượt quá 1,0% tổng dư nợ. Về kênh phân phối, ACB dự kiến sẽ phát triển thêm 66 CN/PGD mới và chuẩn bị mở rộng hoạt động ra nước ngoài.

IV. TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2011

1. Tổng quan kinh tế Việt Nam

Chúng tôi đánh giá năm 2011 là năm khó khăn nhất của kinh tế Việt Nam trong thập kỷ qua do nền kinh tế đã phải đối diện với tăng trưởng thấp và lạm phát cao vào cùng một thời điểm. Tăng trưởng GDP chỉ đạt 5,9%, thấp hơn nhiều so với mức 6,8% của năm 2010 và mức 7,2% của trung bình 10 năm qua. Trong khi đó, lạm phát cả năm lên đến 18,62%, gấp đôi mức 9,19% của năm 2010 và 9,1% của trung bình 10 năm gần đây.

Trong điều kiện đó, Chính phủ đã đặt ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là kiểm soát lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội. Với ưu tiên đó, cả chính sách tiền tệ và tài khóa đều được điều hành rất chặt chẽ trong năm 2011, đặc biệt là trong nửa cuối 2011. Tổng phương tiện thanh toán chỉ tăng 9,3% trong cả năm 2011, chưa bằng một nửa lạm phát và thâm hụt ngân sách theo chuẩn GFS chỉ là 1,93%.

Việc thắt chặt chính sách tiền tệ và tài khóa đã có tác dụng làm giảm tổng cầu của nền kinh tế và qua đó tác động tích cực đến các chỉ tiêu chính của nền kinh tế. Cụ thể, nhập siêu hàng hóa giảm 25% so với năm 2010 xuống

mức 9,5 tỷ USD và nhiều khả năng cán cân tổng thể đã thặng dư khoảng 6 tỷ USD trong năm 2011 so với mức thâm hụt 1,8 tỷ USD trong năm 2010. Như vậy, dự trữ ngoại hối có thể đã tăng khoảng 50% trong năm 2011 lên mức gần 20 tỷ USD. Về mặt tài khóa, tỷ lệ nợ công/GDP cũng đã giảm khoảng 2 điểm phần trăm xuống mức 54,6%. Ngoài ra, tỉ lệ lạm phát cũng đã có xu hướng giảm trong Quý 4/2011.

Tuy nhiên, ngoài những tác động tích cực trên, việc thắt chặt chính sách tiền tệ đã có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Cụ thể, việc làm giảm tổng cầu đã tác động trực tiếp đến khả năng tiêu thụ hàng hóa của phần lớn các doanh nghiệp khiến tổng mức hàng tồn kho của nền kinh tế tăng 23% trong năm 2011. Trong điều kiện, lãi suất cho vay lên đến trên 20% trong những tháng cuối năm thực sự đã vượt quá sức chịu đựng của cộng đồng doanh nghiệp. Cụ thể là trên 50.000 doanh nghiệp đã dừng hoạt động chỉ trong năm 2011.

Bước sang năm 2012, những khó khăn của nền kinh tế vẫn còn đó với việc tăng trưởng kinh tế dự kiến chỉ ở mức 5,4%, thấp nhấp trong nhiều năm gần đây trong khi rủi ro lạm phát tăng cao trở lại vẫn còn. Chính sách tiền tệ và tài khóa của Chính phủ hiện vẫn ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô dù đã có những động thái kích thích tăng trưởng. Kết quả là tăng trưởng GDP quý 1/2012 chỉ đạt 4% nhưng hàng loạt chỉ số vĩ mô đã được cải thiện bao gồm việc cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa bắt đầu thặng dư, lạm phát trên đà giảm tốc và dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng mạnh.

Với tình hình như trên, chúng tôi không kỳ vọng 2012 là một năm tăng trưởng bùng nổ nhưng kỳ vọng 2012 sẽ là năm mà những vấn đề nền tảng của nền kinh tế được từng bước giải quyết và tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng ổn định trong những năm sau.

2. Tổng quan TTCK Việt Nam

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn và thanh khoản của thị trường tiền tệ bị thắt chặt suốt cả năm 2011, thị trường chứng khoán đã có một năm khó khăn toàn diện với việc các chỉ số giảm mạnh trong khi thanh khoản của thị trường cũng bị co hẹp. Cụ thể, VN-Index giảm gần ¼ xuống mức 351,6 trong khi HNX-Index chạm mức thấp nhất trong lịch sử giao

dịch và kết thúc năm ở mức 58,4, giảm gần ½ so với cuối năm 2010. Thanh khoản thị trường trên cả 2 sàn cũng giảm khoảng 60% so với mức trung bình của năm 2010.

Về phía các doanh nghiệp cổ phần niêm yết, lãi suất tăng cao trong điều kiện thị trường tiêu thụ tăng trưởng kém đã ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động kinh doanh. Tốc độ tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp (không bao gồm các định chế tài chính) chỉ đạt 17% so với mức tăng trưởng 32% của năm 2010. Lề sinh lợi gộp nói chung cũng giảm 8%. Trong tình hình đó, chi phí tài chính của các doanh nghiệp lại tăng tới 51% khiến lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp giảm 20%.

Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế khó khăn, các doanh nghiệp niêm yết nhìn chung vẫn đảm bảo được hoạt động kinh doanh ổn định. Dù chi phí tài chính tăng cao, 88% số doanh nghiệp vẫn có lãi và ROE trung bình của các đơn vị niêm yết vẫn đạt 14% trong năm 2011. Với các kết quả tích cực này, việc chỉ số P/E và P/B trung bình của VN-Index giảm mạnh xuống mức 8,38 lần và 1,1 lần vào cuối năm 2011 chủ yếu là do việc thiếu hụt thanh khoản trên thị trường tài chính và lo ngại của nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình vĩ mô hơn là phản ánh hoạt động cơ bản của doanh nghiệp.

Về mặt hoạt động của thị trường, chúng tôi cũng ghi nhận chuyển động tích cực trong môi trường pháp lý và tính minh bạch của doanh nghiệp. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức cho phép các sản phẩm đòn bẩy tài chính và đang tăng cường quản lý an toàn tài chính của các công ty chứng khoán nhằm giảm thiểu rủi ro giao dịch cho nhà đầu tư. Về phía các đơn vị niêm yết, vấn đề quan hệ cổ đông đã được chú trọng hơn và việc công bố thông tin được thực hiện đầy đủ và kịp thời hơn nhiều so với giai đoạn trước. Đây là những cơ sở quan trọng để thị trường phát triển bền vững trong tương lai.

Trong những tháng đầu năm 2012, cũng với những tín hiệu ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán đã có những phiên phục hồi ấn tượng với việc cả 2 chỉ số tăng trên 30% so với thời điểm cuối năm 2011. Thanh khoản của thị trường cũng đã tăng khoảng 50% trong những tháng đầu

năm. Riêng với chỉ số VN-Index mức tăng trong những tháng đầu năm đã gần bằng mức suy giảm trong cả năm 2011.

Với khởi đầu thuận lợi trên và kỳ vọng ổn định kinh tế vĩ mô trong trung hạn, chúng tôi lạc quan vào triển vọng của thị trường trong năm 2012. Theo đánh giá của chúng tôi, đây có thể là kênh đầu tư hấp dẫn nhất tại thị trường Việt Nam trong năm 2012.

3. Kết quả kinh doanh năm 2011 và định hướng hoạt động năm 2012 của ACBS

3.1 Những thành quả đạt được trong năm 2011

Với tiềm lực tài chính vững mạnh và chiến lược kinh doanh linh hoạt, ACBS đã duy trì được kết quả hoạt động kinh doanh khả quan: doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán là 731 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 194 tỷ đồng.

Trong năm 2011, ACBS đã liên tục cải tiến sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đầu tư chứng khoán; không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua nhiều hoạt động chăm sóc khách hàng. Các hoạt động này đã góp phần giúp ACBS giữ vững thị phần môi giới, tăng sức cạnh tranh so với các đối thủ.

Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ của ACBS trong năm 2011 tại sàn TP.HCM là 4,97% và tại sàn Hà Nội là 4,40%, số lượng tài khoản giao dịch của khách hàng chiếm khoảng 5% tổng số tài khoản giao dịch trên thị trường. Ngoài ra, ACBS luôn đảm bảo vận hành an toàn hệ thống giao dịch, kiểm soát chặt chẽ các rủi ro, không để thất thoát tiền và chứng khoán của khách hàng; chất lượng báo cáo nghiên cứu và phân tích cũng từng bước được cải thiện và nâng cao.

3.2 Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2012

Trên cơ sở những đánh giá về tình hình kinh tế năm 2012, ACBS tiếp tục phát huy những thành quả đạt được trong thời gian qua, tận dụng những ưu thế sẵn có để tiếp tục mở rộng thị phần, gia tăng lợi nhuận

và giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam. Về sản phẩm dịch vụ, ACBS tiếp tục đa dạng hóa các dịch vụ hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tập trung nghiên cứu và phân tích nhu cầu khách hàng để phát triển sản phẩm mới như sản phẩm Giao dịch ký quỹ và hoàn thiện mô hình chăm sóc khách hàng. Các báo cáo nghiên cứu là sản phẩm nổi bật của ACBS và là một trong những trọng tâm phát triển của ACBS trong năm 2012. Các nghiên cứu phân tích chuyên sâu, đa dạng cung cấp thông tin cho nhóm đối tượng khách hàng khác nhau, làm cơ sở cho các quyết định đầu tư của khách hàng. Bên cạnh đó, ACBS cũng xác định hệ thống giao dịch trực tuyến cũng là thế mạnh cạnh tranh. Do đó, ACBS sẽ tiếp tục đầu tư vào cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo hệ thống có thể đáp ứng nhu cầu cao nhất của khách hàng.

4. Giải thưởng và các danh hiệu nổi bật

Vị thế thương hiệu của ACBS tiếp tục được khẳng định thông qua giải thưởng Asiamoney Brokers Poll 2011, giải thưởng thường niên do tạp chí ASiAMONEY, một tạp chí uy tín chuyên về thị trường tài chính ngân hàng khu vực châu Á Thái Bình Dương thuộc Tập đoàn Euromoney Institutional Investor thực hiện.

5. Ý kiến của khách hàng về ACBS

"Có thể thấy đội ngũ ACBS trẻ, năng động, nhiệt tình có phương pháp làm việc khoa học, cùng với kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng trong thị trường chứng khoán Việt Nam. Dịch vụ tài chính doanh nghiệp do ACBS cung cấp cho doanh nghiệp đánh giá là hiệu quả cao và luôn đồng hành cùng doanh nghiệp" - **Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (Savitech)**

"Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (CIC) đã ký hợp đồng dịch vụ tư vấn chứng khoán với Quý đơn vị năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu ra công chúng và niêm yết cổ phiếu tại Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM. Hiện nay với sự hỗ trợ của ACBS, Chúng tôi đã nhận được giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN. Chúng tôi có một số nhận xét về chất lượng dịch vụ của Quý Công ty như sau: 1. Về

chất lượng dịch vụ: Rất tốt! đáp ứng yêu cầu khách hàng về thời gian và nội dung. 2. Về thái độ phục vụ của nhân viên: Rất nhiệt tình, hòa nhã, phục vụ khách hàng tốt. Chúng tôi rất mong được hợp tác lâu dài với Quý đơn vị" - **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang**

V. QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

1. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ tổ chức của ACBS

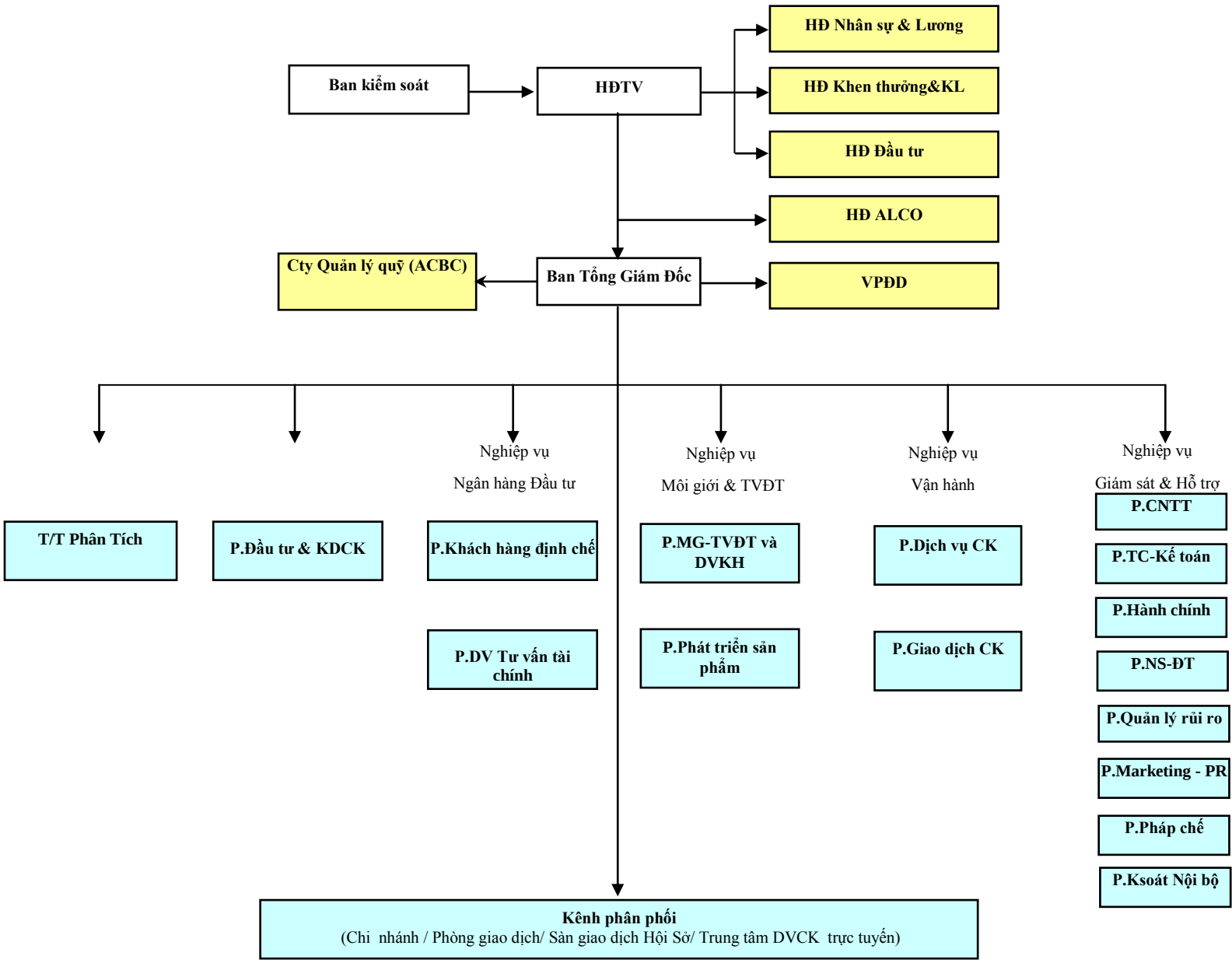

2. Hội đồng thành viên và Ban kiểm soát

2.1 Hội đồng Thành viên:

Với 04 thành viên, bao gồm 01 chủ tịch HĐTV và 03 thành viên HĐTV

Ông LÊ VŨ KỲ - Chủ tịch

Ông Lê Vũ Kỳ là Tiến sĩ ngành toán và vật lý của trường Đại học Maxcơva tại Nga. Ông đã có hơn 13 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực điện, viễn thông, xuất nhập khẩu và hơn 14 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính – Ngân hàng. Hiện nay ông Lê Vũ Kỳ đang đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Thường trực Hội đồng quản trị, thành viên thường trực Ủy ban Tín dụng, thành viên Ủy ban Nhân sự, Chủ tịch Hội đồng Đầu tư, và Phó Chủ tịch Hội đồng Xử lý rủi ro Ngân hàng TMCP Á Châu.

Ông TRỊNH KIM QUANG – Thành viên

Ông Trịnh Kim Quang là Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh. Ông có hơn 10 năm làm công tác giảng dạy tại trường Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh và hơn 18 năm kinh nghiệm đảm nhận những chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Chứng khoán ACB. Ông Trịnh Kim Quang hiện là thành viên Hội đồng sáng lập, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu, Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Tín dụng, thành viên Ủy ban Nhân sự và thành viên Hội đồng Đầu tư Ngân hàng TMCP Á Châu.

Ông ĐỖ MINH TOÀN – Thành viên

Ông Đỗ Minh Toàn tốt nghiệp Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ, Cử nhân Luật (Đại học Luật TP.HCM), Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế TP.HCM), cử nhân Tài chính Ngân hàng (Đại học Ngân hàng TP.HCM).

Ông Đỗ Minh Toàn đã có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và giữ những chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Chứng khoán ACB. Hiện nay ông Đỗ Minh Toàn đang đảm nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc thường trực, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Chủ nhiệm Ủy ban Tín dụng, ủy viên

Hội đồng Đầu tư, và ủy viên Hội đồng Xử lý rủi ro Ngân hàng TMCP Á Châu.

Ông TRẦN HÙNG HUY – Thành viên

Ông Trần Hùng Huy tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tại Đại học Chapman năm 2002, Hoa Kỳ. Năm 2011, Ông nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế về Chiến lược doanh nghiệp tại Đại học Golden Gate, Hoa Kỳ. Ông Trần Hùng Huy có nhiều năm kinh nghiệm đảm nhiệm những chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Chứng khoán ACB. Ông Trần Hùng Huy hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc, kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn Nhân lực Ngân hàng TMCP Á Châu, và là thành viên thường trực Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Nhân sự, và thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Á Châu.

2.2 Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát của ACBS đến thời điểm hiện tại có 1 thành viên là Kiểm soát viên

Ông NGUYỄN VĂN HÒA - Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Hòa tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế trường Đại học Ngân hàng Tp.Hồ Chí Minh và có hơn 16 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Hòa hiện nay cũng đảm trách vị trí Kế toán trưởng của Ngân hàng TMCP Á Châu.

2.3 Các hoạt động của HĐTV và Ban kiểm soát:

Trong năm 2011, HĐTV ACBS đã họp chín phiên để thảo luận về các nội dung chính sau:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh 2011
- Thông qua việc đóng cửa một số chi nhánh và phòng giao dịch hoạt động không hiệu quả.
- Thông qua việc triển khai và phát triển một số sản phẩm, dịch vụ mới cho ACBS.

- Thông qua một số nội dung khác liên quan đến hoạt động của ACBS.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐTV cũng thường xuyên tham gia các buổi họp giao ban hàng tuần với Ban Điều hành của ACBS để đưa ra những chỉ đạo kịp thời cho hoạt động của công ty.

2.4 Thay đổi thành viên HĐTV, Ban TGĐ và kiểm soát viên:

Trong năm qua, ACBS không có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát cũng như Kế toán trưởng.

3. Ban Tổng giám đốc

Ông NGUYỄN NGỌC CHUNG – Quyền Tổng Giám Đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung có 22 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng, trong đó có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý tại những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam.

Ông Nguyễn Ngọc Chung đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám Đốc của ACBS từ năm 2005 và được bổ nhiệm Quyền Tổng Giám Đốc từ tháng 09/2009.

Bà LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG – Phó Tổng Giám Đốc

Bà Lê Thị Phương Dung tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh Tế (Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM), Cử nhân Anh Văn (Trường Đại học Tổng hợp Tp.HCM) và có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Bà Lê Thị Phương Dung có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo ở Sở giao dịch tại Ngân hàng Á Châu.

Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về vận hành trong hệ thống Ngân hàng Á Châu, hiện nay, Bà Lê Thị Phương Dung đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc ACBS – phụ trách Vận hành và một số phòng thuộc khối Giám sát và Hỗ trợ.

4. Năng lực cốt lõi

4.1 Nghiên cứu & Phân tích

Hiểu rõ tầm quan trọng của những thông tin phân tích độc lập đối với khách hàng, Trung tâm Phân tích luôn tập trung mở rộng năng lực phân tích nhằm cung cấp đến khách hàng các sản phẩm phân tích có chất lượng cao và cập nhật thường xuyên. Trong năm 2011, Trung tâm Phân tích của ACBS được các định chế tài chính, thông qua tạp chí ASiAMONEY, bầu chọn là đơn vị phân tích độc lập nhất tại thị trường Việt Nam và thực hiện phân tích tốt nhất trong các lĩnh vực kinh tế vĩ mô, ngân hàng và vật liệu.

Hiện tại, sản phẩm của Trung tâm Phân tích bao gồm Báo cáo Chiến lược thị trường cổ phiếu, Báo cáo Phân tích công ty và Báo cáo Cập nhật đối với các cổ phiếu niêm yết với danh mục phân tích lên đến 80% vốn hóa của thị trường niêm yết, Bản tin Café Sáng và Bản tin Số liệu thị trường, Bản tin Money 360 về thị trường trái phiếu và các Thư Phân tích về các sự kiện đặc biệt trên thị trường. Ngoài ra, Trung tâm Phân tích còn thực hiện các báo cáo phân tích theo yêu cầu của khách hàng bên ngoài cũng như khách hàng nội bộ.

Về mặt nguồn lực, hiện tại Trung tâm Phân tích có 11 nhân viên với chuyên môn đa dạng về phân tích cơ bản, phân tích kinh tế, phân tích cơ bản và phân tích định lượng nhằm cung cấp cho nhà đầu tư cái nhìn toàn diện về thị trường tài chính.

Tuân thủ nguyên tắc hướng dẫn hành động của ACBS về việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động, Trung tâm Phân tích cam kết với với các chuẩn mực cao nhất trong hoạt động phân tích. Các chuẩn mực trên đảm bảo các báo cáo phân tích được thực hiện một cách cẩn trọng, trung thực và độc lập cũng như được phân phối đến khách hàng một cách bình đẳng.

Trong năm 2012, Trung tâm Phân tích xác định việc nâng cao chất lượng các sản phẩm phân tích hiện tại và mở rộng danh mục phân tích nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư cho khách hàng là nhiệm vụ hàng đầu. Ngoài ra, việc xây dựng hạ tầng của hoạt động phân tích bao gồm các cơ sở dữ liệu tài chính và kinh tế cũng đang được tiến hành nhằm chuẩn hóa hoạt động và đẩy nhanh tốc độ cung cấp thông tin đến

khách hàng. Với những nỗ lực này, các sản phẩm phân tích của ACBS sẽ đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của khách hàng trong năm 2012.

4.2 Nguồn nhân lực:

Trong quá trình phát triển, những thành tựu mà ACBS đạt được là sự cống hiến của tập thể cán bộ quản lý và nhân viên của công ty. ACBS nhận thức rõ nguồn nhân lực là tài sản quý giá của công ty. Do đó, ACBS luôn hướng tới việc xây dựng một môi trường làm việc hiệu quả để mọi thành viên đều có điều kiện phát huy năng lực và kiến thức của mình, đồng thời khuyến khích và thúc đẩy tinh thần học hỏi, chia sẽ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong công ty.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên**

  Tính đến ngày 31/12/2011, tổng số cán bộ, nhân viên của ACBS là **278** người.

  Trong đó có **192** nhân viên đủ điều kiện cấp hoặc đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán, **14** nhân viên có chứng chỉ đại diện sàn các loại. Ngoài ra, ACBS còn thu hút được nhân sự là các nhà quản lý, chuyên viên có quốc tịch nước ngoài hoặc được đào tạo ở nước ngoài và có nhiều kinh nghiệm làm việc trong các tập đoàn tài chính lớn của Việt Nam.

- **Chính sách dành cho nhân viên**

  Chính sách đào tạo

  Xây dựng một chính sách đào tạo bồi dưỡng thích hợp luôn là trọng tâm của ACBS. Công ty phát triển những chương trình đạo tạo thích hợp nhằm cung cấp cho nhân viên cơ hội tiếp tục trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của không chỉ khách hàng nội bộ và cả khách hàng bên ngoài.

  Trong năm 2011, ACBS đã tổ chức các chương trình đào tạo dành cho các chức danh tại kênh phân phối nhằm đảm bảo năng lực, nghiệp vụ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhận. Với phương

châm lấy khách khách hàng là trung tâm, ACBS đã tổ chức các khóa đào tạo về các kỹ năng bán hàng, kỹ năng phục vụ khách hàng cũng như kiến thức phân tích kỹ thuật để đội ngũ nhân viên môi giới có đủ năng lực, đảm bảo khách hàng được chăm sóc tốt nhất.

Bên cạnh chính sách tài trợ chi phí đào tạo các chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tất cả nhân viên nghiệp vụ trong hệ thống , ACBS còn tài trợ chi phí học và thi các chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CCNA, CCNP, CPA, Giám đốc Marketing, Phân tích đầu tư chuyên nghiệp, Nhà Môi giới chuyên nghiệp, Tiếp thị & Quảng cáo qua Internet … nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ chuyên viên nghiệp vụ và cán bộ quản lý.

Chế độ khen thưởng

Đối với ACBS, chế độ khen thưởng là một trong những nguồn lực động viên, khuyến khích nhân viên phát huy khả năng, phấn đấu trong công việc. Do đó, ACBS phát triển chính sách khen thưởng hợp lý dành cho nhân viên dựa trên kết quả làm việc, tính kỷ luật, tính đồng đội và sự đóng góp của họ vào sự thành công của công ty.

Theo quy định chung, ACBS có các chế độ cơ bản như: lương kinh doanh, lương tháng 13, lương hoàn thành công việc, khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân xuất sắc, thưởng sáng kiến, thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng. Bên cạnh đó, ACBS cũng chú trọng hoàn thiện cơ chế thưởng kinh doanh cho các đơn vị trực tiếp kinh doanh.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

ACBS đảm bảo tất cả nhân viên chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, tùy theo tính chất, vị trí công việc đảm nhận, nhân viên của ACBS còn nhận được các phụ cấp khác theo quy định của công ty.

Chế độ khác

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, nhân viên của ACBS đều được thưởng vào các dịp lễ (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4,…) và ngày kỷ niệm thành lập công ty. Các chương trình như bảo hiểm tai nạn, chương trình chăm sóc sức khỏe "ACB Care", hỗ trợ chi phí thành viên Câu lạc bộ sức khoẻ; hỗ trợ bữa ăn trưa; cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm và chế độ nghỉ mát hàng năm, cho vay lãi suất ưu đãi… đều được công ty duy trì đều đặn.

- **Kế hoạch phát triển và đào tạo nhân viên trong năm 2012**

Trong năm 2012, ACBS sẽ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh và hoàn thiện các chính sách, chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như sau:

- Tái đào tạo cho nhân viên Môi giới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng bán hàng.
- Tái đào tạo nhân viên dịch vụ và Kiểm soát viên của hệ thống kênh phân phối.
- Đẩy mạnh việc đào tạo để đạt chứng chỉ hành nghề cho nhân viên các chi nhánh ngoài địa bàn TP.HCM và Hà Nội.
- Tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế thừa, bổ sung kiến thức và kỹ năng cho các Trưởng Đơn vị.
- Đẩy mạnh việc hỗ trợ đào tạo các chứng chỉ chuyên môn quốc tế như CFA, ACCA…

5. Quản trị rủi ro và hoạt động vận hành

5.1 Quản trị rủi ro:

Là một doanh nghiệp hoạt động trong môi trường tài chính đầy biến động, trong quá trình hoạt động, ACBS cũng phải đối mặt với những rủi ro phát sinh như rủi ro thị trường, rủi ro vận hành, rủi ro liên quan đến công nghệ, … Đó là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, sự phát triển cũng như uy tín của công ty. Do đó, thiết lập và duy trì hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả để có thể dự

báo chính xác và các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp là trọng tâm của ACBS.

Với ACBS, chúng tôi đã xây dựng hệ thống phân nhóm các loại rủi ro có thể phát sinh. Trên cơ sở đó, các phương án quản trị rủi ro được đề xuất và đánh giá. Quy trình kiểm soát rủi ro chặt chẽ được áp dụng tại ACBS và được rà soát thường xuyên nhằm đề ra những biện pháp ngăn ngừa và xử lý hiệu quả theo từng giai đoạn.

Các chính sách và quy trình rủi ro được truyền thông rõ ràng đến tất cả nhân viên ACBS. Ngoài ra, ACBS cũng truyền thông đến khách hàng các nguyên tắc quản trị của công ty nhằm đảm bảo lợi ích cho khách hàng.

5.2 Hoạt động vận hành:

Tiếp nối thành tựu của các năm trước, năm 2011 hệ thống vận hành tại ACBS luôn đảm bảo tính ổn định, nhanh chóng và chính xác, hỗ trợ tích cực cho các kênh phân phối trong việc hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh. Mục tiêu năm 2011 của hoạt động vận hành là phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kinh doanh phát triển sản phẩm mang tính cạnh tranh và gia tăng tiện ích cho khách hàng. Cùng với sự tiến triển của hệ thống giao dịch tại các Sở cho phép nhà đầu tư thực hiện giao dịch mua bán cùng phiên, ACBS đã xây dựng thành công hệ thống giao dịch của công ty, với ưu điểm vượt trội là phát triển thêm các tính năng chờ mua, chờ bán đáp ứng tối đa nhu cầu của nhà đầu tư. Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, ACBS đã từng bước nâng cao chất lượng hệ thống, đáp ứng tốt, kịp thời với sự thay đổi của các quy định, quy chế giao dịch. Các phòng ban thuộc khối Vận hành phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin, trong thời gian ngắn nhất, đã hoàn tất việc chỉnh sửa, nâng cấp phần mềm, ban hành quy trình, hoàn tất các kỳ kiểm tra theo đúng tiến độ, kịch bản của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và TTLK. Các thiết bị tin học thường xuyên được nâng cấp đảm bảo việc xử lý nhanh chóng các lệnh của khách hàng kể cả những ngày giao dịch gia tăng đột biến.

Năm 2011, thị trường chưa có dấu hiệu khởi sắc, số lượng lệnh nhập vào hệ thống ACBS giảm nhẹ, giảm 0.12% so với năm 2010. Tuy vậy, số lỗi giao dịch năm 2011 giảm mạnh, giảm 88% so với năm 2010. Chi phí sửa lỗi giao dịch giảm 79% so với năm 2010. Đây là kết quả của việc chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên và kiểm soát viên. Tất cả nhân viên đều được hướng dẫn chi tiết và thực hành trên các ứng dụng trước khi triển khai sản phẩm mới. Đội ngũ kiểm soát viên được đào tạo theo kỹ năng nhận biết, giải quyết các tình huống phức tạp phù hợp với quy định của pháp luật và của ngành. Trong năm qua, các Phòng ban thuộc Khối vận hành kết hợp với phòng nhân sự đào tạo tổ chức các khóa đào tạo cho kiểm soát viên tại các kênh phân phối và phòng ban tại Hội sở. Tất cả các kiểm soát viên đều phải trải qua cuộc thi kiểm tra kiến thức và kỹ năng trước khi nhận được quyết định bổ nhiệm chính thức.

Chịu ảnh hưởng chung của tình hình không mấy khả quan của thị trường chứng khoán, số lượng hồ sơ lưu ký tại ACBS giảm đáng kể, giảm 40% so với năm 2011. Tuy nhiên, các nghiệp vụ khác như quản lý cổ đông, cầm cố chứng khoán, thực hiện quyền tăng vọt. So với năm 2010, số lượng hồ sơ thực hiện nghiệp vụ quản lý cổ đông tăng 65,48%, phí thu được từ hoạt động cầm cố tăng 70%. Số dư chứng khoán lưu ký của khách hàng tại ACBS được quản lý chính xác, an toàn và bảo mật. Bên cạnh việc thực hiện đối chiếu số dư định kỳ với TTLK**,** đảm bảo khớp đúng số dư lưu ký chứng khoán với TTLK, Phòng Dịch vụ chứng khoán đều tổ chức đối chiếu định kỳ 6 tháng/lần với khách hàng.

Việc tin học hóa được thực hiện tích cực nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành, tiết kiệm thời gian và nguồn nhân lực. Chương trình phần mềm được chỉnh sửa, bổ sung thêm các tiện ích, biểu mẫu được chuẩn hóa in từ hệ thống, đã giảm bớt thời gian tác nghiệp cho nhân viên và khách hàng. Hàng loạt các giải pháp tin học đã được nghiên cứu và áp dụng đẩy nhanh tốc độ chuyển lệnh lên sàn, gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường giao dịch.

Bước sang năm 2012, thị trường chứng khoán hứa hẹn nhiều khả năng hồi phục hơn, sôi động hơn, mang tính cạnh tranh cao và nhiều rủi ro. Hệ thống vận hành luôn đảm bảo tính an toàn, ổn định, nhanh chóng và kiểm soát tốt rủi ro. Hệ thống đặt lệnh phải không ngừng hoàn thiện với các giải pháp tối ưu nhằm đẩy nhanh tốc độ truyền lệnh vào hệ thống giao dịch tại các Sở. Nhằm đón đầu xu thế phát triển giao dịch qua kênh đặt lệnh từ xa, các ứng dụng trên internet sẽ được chú trọng phát triển mạnh, tiết kiệm thời gian đồng thời đảm bảo tính an toàn và bảo mật cho nhà đầu tư. Hoạt động hỗ trợ các phòng ban thuộc Khối kinh doanh đặc biệt được chú trọng, thông qua việc vận hành sản phẩm mới nhanh chóng, kết hợp phòng công nghệ thông tin xây dựng một số chương trình phần mềm hỗ trợ kênh phân phối trong việc theo dõi tình hình thực hiện sản phẩm.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ACBS

1. Hoạt động môi giới

1.1 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng cá nhân:

Năm 2011, hoạt động kinh doanh chứng khoán khá trầm lắng, diễn biến thị trường không sôi động như dự đoán trước đó, ít được nhiều nhà đầu tư mới tham gia thị trường. Bên cạnh đó, mức độ cạnh tranh về thị phần môi giới của các thành viên tham gia thị trường rất khốc liệt. Năm 2011, nhằm duy trì và gia tăng thị phần ACBS đã thực hiện một số hoạt động sau:

- Hoàn thiện quy chế phân chia khách hàng tại kênh phân phối nhằm mục tiêu quản lý khách hàng tốt hơn; hoàn thiện quy chế tính lương kinh doanh nhằm đảm bảo tạo động lực cho đội ngũ NV MG-TVĐT và thúc đẩy đội ngũ NV MG-TVĐT phát huy hiệu quả kinh doanh; Xây dựng chính sách đào tạo, tái đào tạo và định hướng phát triển nghề nghiệp của NV MG-TVĐT

- Tiếp tục tổ chức và từng bước nâng cao chất lượng các buổi thảo luận của NV MG-TVĐT; bổ sung các công cụ thông tin cho đội ngũ MG-TVĐT.

- Xây dựng hệ thống tính điểm thưởng tích lũy cho khách hàng giao dịch lớn đi kèm với các chính sách chăm sóc khách hàng; thiết kế nhóm sản phẩm phù hợp với yêu cầu của từng nhóm khách hàng.

1.2 Hoạt động môi giới và tư vấn đầu tư dành cho khách hàng tổ chức:

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của sự suy giảm kinh tế toàn cầu, nhà đầu tư nước ngoài vẫn xem thị trường chứng khoán Việt Nam là kênh đầu tư hấp dẫn. Với vị thế là một công ty chứng khoán hàng đầu, ACBS vẫn tiếp tục là đối tác tin cậy của khách hàng tổ chức trong hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

Một trong những ưu thế của ACBS là phát triển dịch vụ môi giới hoàn chỉnh để có thể phục vụ cho nhu cầu đa dạng của nhiều nhóm đối tượng khách hàng. Với sự am hiểu về thị trường, ACBS có lợi thế về khả năng cung cấp những thông tin cần thiết cũng như cơ hội đầu tư, để hỗ trợ nhà đầu tư giao dịch thành công. Trong năm 2011, ACBS cũng tổ chức nhiều buổi tiếp xúc giữa nhà đầu tư tổ chức với các doanh nghiệp Việt Nam, tạo cơ hội cho nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận tìm hiểu thông tin về các doanh nghiệp.

Phòng Khách hàng Định chế cũng vinh hạnh khi được tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như:

- Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất (the best overall sales services)
- Thực hiện giao dịch tốt nhất (the best execution)
- Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất (the best for events and/or conference)
- Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất. (the best for roadshows and company visits)
- Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất (the best salesperson)

Nhằm tiếp tục hoàn thiện chất lượng dịch vụ, ACBS đã xây dựng hệ thống chăm sóc khách hàng mới (CRM) cũng như hệ thống e-mail marketing. Chương trình đánh giá hiệu quả kinh doanh của

nhân viên cũng được tái đánh giá và điều chỉnh để khuyến khích hiệu quả làm việc của nhân viên, nhằm duy trì vị thế hàng đầu của ACBS.

2. Hoạt động đầu tư chứng khoán năm 2011:

2.1 Nhận định về tình hình đầu tư cổ phiếu và kết quả đạt được:

Về hoạt động đầu tư của ACBS, lợi nhuận đạt được năm 2011 là 192,692 tỷ đồng - là kết quả tốt với nhiều nỗ lực thực hiện trong năm**.**

Hoạt động đầu tư và kinh doanh cổ phiếu của ACBS cũng gặp khó khăn trong năm 2011. Trong năm, ACBS đã tập trung vào các ngành đầu tư tiềm năng với danh mục đầu tư chất lượng và đa dạng hóa.

Tình hình đầu tư năm 2011 như sau:

- Tổng giá trị đầu tư tài chính ngắn hạn : 850,459 tỷ đồng
- Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn : 2.448,431 tỷ đồng

Tổng giá trị đầu tư tài chính : 3.298,89 tỷ đồng

Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn đạt 535 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn: 294,481 tỷ đồng.
- Thu nhập cổ tức: 200,807 tỷ đồng.
- Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư: 40,017 tỷ đồng.

Tuy nhiên, ACBS cũng cơ cấu lại danh mục đầu tư để phù hợp với tình hình thị trường và đã ghi nhận khoản lỗ như sau:

- Lỗ từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn: (41,661) tỷ đồng.
- Chi phí trích lập dự phòng: (24,902) tỷ đồng.

Tóm lại, mặc dù diễn biến thị trường chứng khoán không thuận lợi nhưng hoạt động đầu tư vẫn là một hoạt động đóng góp lợi nhuận chính cho ACBS trong năm 2011.

2.2 Nhận định về tình hình đầu tư trái phiếu và kết quả đạt được:

Thị trường trái phiếu Việt Nam còn phát triển khiêm tốn, chỉ chiếm 16 – 17% GDP và tính thanh khoản của thị trường đang diễn ra ở mức thấp. Năm 2011, tổng giá trị giao dịch trái phiếu chính phủ đạt trên 73.000 tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên 280 tỷ đồng, thấp hơn năm 2010 ở mức 81.000 tỷ đồng tổng giá trị giao dịch và 340 tỷ đồng giao dịch trung bình mỗi phiên. Hoạt động mua bán trái phiếu chủ yếu từ các ngân hàng.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2011 cũng sụt giảm mạnh về số lượng và khối lượng trái phiếu phát hành. Theo số liệu do VBMA tổng hợp, ước tính có khoảng 27 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2011 với tổng khối lượng giao dịch khoảng 7.000 tỉ đồng, chỉ bằng 12,5% so với năm 2010.

Hoạt động kinh doanh trái phiếu chung của các công ty chứng khoán đều khó khăn, sân chơi trái phiếu hiện thuộc về các ngân hàng thương mại với ưu thế mạnh về năng lực tài chính, vị thế và uy tín cao. Lợi suất trái phiếu chính phủ đang thấp hơn cả chi phí vốn đầu tư. Do đó, đầu tư trái phiếu hiện tại không thuận lợi cho ACBS.

Do đó, trong năm 2011, ACBS chỉ thực hiện khiêm tốn hoạt động mua bán có kỳ hạn trái phiếu chính phủ để thu được khoảng 470 triệu đồng.

Sang năm 2012, chúng tôi kỳ vọng nền kinh tế vận động theo hướng ổn định hơn và thị trường chứng khoán sẽ phục hồi lành mạnh hơn. Do đó, hoạt động đầu tư thật sự tạo được nguồn doanh thu lớn hơn cho ACBS dựa trên những nhận định đầu tư đã được hoạch định từ năm 2011 và sẽ gặt hái trong năm 2012.

3 Hoạt động tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành

Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp luôn có những đóng góp tích cực cho hoạt động chung của ACBS. Với thế mạnh về mạng lưới phân phối, năng lực tài chính và đội ngũ tư vấn được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các tổ chức tài chính, hoạt động Dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp của ACBS luôn nỗ lực đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng thông qua các sản phẩm và

dịch vụ tài chính chuyên nghiệp, trọn gói và mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng. ACBS cung cấp cho khách hàng các loại hình dịch vụ đa dạng từ tư vấn chuyển đổi hình thức, niêm yết, phát hành cổ phiếu ra công chúng đến mua bán sáp nhập doanh nghiệp, ...

- *Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành chứng khoán:* Cùng với nhu cầu vốn cho mở rộng hoạt động và dự án sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, ACBS cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trọn gói từ thực hiện tái cấu trúc vốn, xác định nhu cầu vốn hợp lý và xây dựng phương án phát hành, định giá và lập hồ sơ phát hành theo đúng quy định pháp luật. Bên cạnh đó ACBS cũng thực hiện bảo lãnh cho các đợt phát hành để đảm bảo sự thành công cho các đợt phát hành của doanh nghiệp.

- *Tư vấn niêm yết chứng khoán:* ACBS cung cấp dịch vụ niêm yết hoàn chỉnh cho các doanh nghiệp với các bước từ chuẩn hóa các điều kiện của doanh nghiệp theo đúng tiêu chuẩn niêm yết đến việc công tác quan hệ nhà đầu tư sau niêm yết.

- *Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A):* Năm 2011, hoạt động tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (M&A) diễn ra khá sội động trên thị trường tài chính. ACBS đã thực hiện tư vấn cho các bên có nhu cầu mua bán để đi đến thỏa thuận chung.

- *Tư vấn cổ phần hóa:* là đơn vị đi tiên phong trong hoạt động tư vấn cổ phần hóa, ACBS cung cấp trọn gói dịch vụ tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp nhà nước, không chỉ dừng lại ở việc thực hiện các thủ tục theo quy định, ACBS còn tư vấn cho khách hàng các nội dung liên quan đến kế hoạch về phương án sau cổ phần hóa cho Ban Điều hành các doanh nghiệp. Khách hàng tiêu biểu do ACBS tư vấn cổ phần hóa là các công ty thuộc Tổng công ty vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Tổng Công ty lương thực miền Nam, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, ...

- *Tư vấn doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:* Không chỉ dừng lại với các khách hàng trong nước, ACBS còn cung cấp dịch vụ cho các

khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài từ việc chuyển đổi hình thức, tái cơ cấu cổ đông đến xây dựng phương án đại chúng hóa và niêm yết tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khách hàng mà ACBS đã cung cấp dịch vụ là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Nhật Bản…

- *Hoạt động thu xếp vốn là một trong những thế mạnh của ACBS:* với hệ thống khách hàng định chế rộng lớn, được sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ - ACB, ACBS tiến hành các đợt thu xếp vốn cho các doanh nghiệp có nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua nhiều hình thức khác nhau phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

Năm 2012 là một năm tiếp tục có nhiều thách thức song cũng hứa hẹn những cơ hội mới cho ngành tài chính nói chung. ACBS tiếp tục triển khai các dịch vụ có giải pháp tài chính chuyên sâu nhằm tạo thành cầu nối hữu ích cho doanh nghiệp và nhà đầu tư.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2011**

   (Xem tài liệu đính kèm)

2. **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2011**

   (Xem tài liệu đính kèm)

VIII. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hội sở ACBS

107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (08) 54.043.054

Fax: (08) 54.043.085

1. **Chi nhánh Lê Ngô Cát**

   9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, TP.HCM

   Điện thoại: (08) 39.302.428 – (08) 39.302.427 – (08) 39.302.426 – (08) 39.302.425

Fax: (08) 39.330.427

2. Chi nhánh Phan Đình Phùng

51 Phan Đình Phùng, P.17, Quận Phú Nhuận, TPHCM

Điện thoại: (08) 54.046.636 –54.046.34 – 54.046.635 – 54.046.638 - 54.046.639 –54.046.641

Fax: (08) 54.046.648

3. Chi nhánh Sài Gòn

27B Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (08) 39.107.383 – (08) 39.107.380 – (08) 39.107.381

Fax: (08) 39.107.382

4. Chi nhánh Tân Bình

29 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.717.067 – (08) 39.717.066 – (08) 39.717.068 – (08) 39.717.069

Fax: (08) 39.717.081

5. Chi nhánh Hải Phòng

15 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3.569 998 – (031) 3.569.995

Fax: (031) 3.569.989

6. Chi nhánh Hà Nội

95-97 Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (04) 39 429.395 - (04) 39.429.396 – (04) 39.429.405 – (04) 39.429.237 – (04) 39.427.395

Fax: (04) 39.429.407 – (04) 39.429.656 – (04) 39.364.373

7. Chi nhánh Phan Chu Trinh

57B Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (04) 39.334.780 – (04) 39.334.781 – (04) 39.334.782

Fax: (04) 39.334.785

8. Chi nhánh Đà Nẵng

218 Bạch Đằng, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3.843.447

Fax: (0511) 3.843.445

9. Chi nhánh Chợ Lớn

747 Hồng Bàng, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.695.548

Fax: (08) 39.695.543

10. Chi nhánh Vũng Tàu

467-469 Nguyễn An Ninh, Phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3.597.100

Fax: (064) 3.597.101

11. Chi nhánh Cần Thơ

17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: (0710) 3 824.510 – (0710) 3.825.625

Fax: (0710) 3.825.628

12. Chi nhánh Khánh Hòa

80 Quang Trung, Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058) 3.528.179

Fax: (058) 3.528.188

13. Chi nhánh Quảng Ninh

747-749 Lê Thánh Tông, Bạch Đằng, Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: (033) 3.818. 808 - 3.818.299

Fax: (033) 3.818.881 – 3.818.882

14. Phòng giao dịch Bình Hòa 2

256 Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62.978.612

Fax: (08) 62.978.613

15. Phòng giao dịch Phú Thọ

455 Tô Hiến Thành, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38.638.467

Fax: (08) 38.636.240

16. Phòng giao dịch Phú Lâm

391A Kinh Dương Vương, P.12, Quận 6, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38.779.813

Fax: (08) 38.779.814

17. Phòng giao dịch Châu Văn Liêm

130 -132 Châu Văn Liêm, P.11, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại: (08) 39.508.450

Fax: (08) 39.508.452

18. Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.05, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 38.344.527

Fax: (08) 38.343.981

19. Phòng giao dịch Lê Văn Sỹ

318 Lê Văn Sỹ, Phường 01, Q.Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 39.916.498

Fax: (08) 39.916.712

20. Phòng giao dịch Trương Công Định

31 Trương Công Định, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Điện thoại: (064) 3.543.232

Fax: (064) 3.543.233

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Quyền Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 – CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/ GPHĐKD ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP ngày 4 tháng 11 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 6 năm 2000 và giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Vốn điều lệ	Vốn điều lệ là 1.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Một ngàn năm trăm tỷ đồng Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009.

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Vũ Kỳ	Chủ tịch
Ông Trịnh Kim Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Toàn	Thành viên
Ông Trần Hùng Huy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Chung	Quyền Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Vũ Kỳ	Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Hoạt động chính	Các hoạt động chính của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.
Trụ sở chính	107N Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TRÁCH NHIỆM CỦA QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Quyền Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Quyền Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Quyền Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc các báo cáo tài chính này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Tập đoàn.

Thừa ủy nhiệm Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB ("Công ty") được Quyền Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 2 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Quyền Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Quyền Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Quyền Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, Fax:+84 (8) 38251947, www.pwc.com/vn

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Trần Hồng Kiên
Số chứng chỉ KTV: 0298/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3028
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 2011 VNĐ	2010 VNĐ
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.939.224.844.944**	**2.134.958.448.130**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**629.440.716.007**	**118.843.484.831**
111	Tiền		629.440.716.007	118.843.484.831
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4(a)	**850.459.118.318**	**978.354.956.508**
121	Đầu tư ngắn hạn		1.048.786.631.076	1.167.950.092.170
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(198.327.512.758)	(189.595.135.662)
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**458.505.472.447**	**1.036.648.295.687**
131	Phải thu khách hàng		-	1.000.000
132	Trả trước cho người bán		1.130.482.480	285.407.841
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn		95.790.095	-
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	5	4.152.307.856	556.421.500.584
138	Các khoản phải thu khác	6	453.843.610.686	480.180.067.262
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(716.718.670)	(239.680.000)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**819.538.172**	**1.111.711.104**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		554.964.363	993.921.908
152	Thuế GTGT được khấu trừ		132.528.184	59.943.571
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		17.845.625	17.845.625
158	Tài sản ngắn hạn khác		114.200.000	40.000.000
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.533.352.410.807**	**2.221.710.875.880**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**	7	**-**	**46.577.878.000**
218	Phải thu dài hạn khác		-	46.577.878.000
220	**Tài sản cố định**		**61.982.540.683**	**68.993.614.812**
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	60.739.778.672	67.012.462.877
222	Nguyên giá		96.815.513.083	95.504.187.216
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.075.734.411)	(28.491.724.339)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	1.236.862.011	1.981.151.935
228	Nguyên giá		2.481.127.984	2.423.827.984
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.244.265.973)	(442.676.049)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.900.000	-
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	4(b)	**2.448.430.611.146**	**2.088.015.184.699**
251	Đầu tư vào công ty con		50.000.000.000	50.000.000.000
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		4.221.960.000	4.221.960.000
254	Đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán		4.221.960.000	4.221.960.000
258	Đầu tư dài hạn khác		2.443.574.339.809	2.066.989.197.022
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(49.365.688.663)	(33.195.972.323)
260	**Tài sản dài hạn khác**		**22.939.258.978**	**18.124.198.369**
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	3.029.807.550	3.294.728.654
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10	7.929.438.913	5.250.000.000
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	10.834.305.315	8.334.305.315
268	Tài sản dài hạn khác		1.145.707.200	1.245.164.400
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**4.472.577.255.751**	**4.356.669.324.010**

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 2011 VNĐ	2010 VNĐ
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**2.828.345.568.523**	**2.732.353.226.110**
310	**Nợ ngắn hạn**		**2.127.998.247.014**	**532.086.165.950**
311	Vay ngắn hạn	15(a)	1.500.000.000.000	-
312	Phải trả người bán		185.051.871	97.287.697
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.503.264.230	19.251.012.644
315	Phải trả người lao động		4.644.204.488	4.932.822.902
316	Chi phí phải trả	13	237.155.634.361	29.982.973.322
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		126.599.779.715	130.754.706.055
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		6.998.937.523	7.713.801.508
328	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	250.911.374.826	339.353.561.822
330	**Nợ dài hạn**		**700.347.321.509**	**2.200.267.060.160**
334	Vay và nợ dài hạn	15(b)	700.000.000.000	2.200.000.000.000
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		347.321.509	267.060.160
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.644.231.687.228**	**1.624.316.097.900**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**1.644.231.687.228**	**1.624.316.097.900**
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
417	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	16	61.804.643.173	51.778.855.002
418	Quỹ dự phòng tài chính	16	82.427.044.055	72.401.255.884
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	135.987.014
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**4.472.577.255.751**	**4.356.669.324.010**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã Số	Mệnh giá tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Mệnh giá tại ngày 31.12.2010 VNĐ
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	**002**	**2.452.992.300.000**	**655.361.010.000**
6. Chứng khoán lưu ký	**006**	**18.350.552.330.000**	**14.022.735.530.000**
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	15.213.480.750.000	10.911.526.320.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	*008*	*809.587.200.000*	*1.253.319.430.000*
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	*009*	*14.191.482.330.000*	*9.505.068.040.000*
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	*010*	*212.411.220.000*	*153.138.850.000*
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	*012*	*111.643.410.000*	*166.135.810.000*
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	*014*	*100.911.290.000*	*155.263.520.000*
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	*015*	*10.732.120.000*	*10.872.290.000*

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã Số	Mệnh giá tại ngày 31.12.2011 VNĐ	Mệnh giá tại ngày 31.12.2010 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký (tiếp theo)			
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	2.295.815.290.000	2.348.068.540.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	*019*	*2.295.815.290.000*	*2.348.068.540.000*
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	285.602.620.000	564.623.900.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	*028*	*3.984.200.000*	*396.313.600.000*
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	*029*	*281.402.720.000*	*166.644.100.000*
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	*030*	*215.700.000*	*1.666.200.000*
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	444.010.260.000	32.380.960.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	*038*	*84.717.900.000*	*10.733.080.000*
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	*039*	*358.942.770.000*	*19.962.750.000*
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	*040*	*349.590.000*	*1.685.130.000*
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	**050**	**287.837.020.000**	**74.297.510.000**
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	*051*	*269.879.300.000*	*72.483.280.000*
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	*052*	*1.012.090.000*	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	*053*	*268.714.410.000*	*72.483.280.000*
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	*054*	*152.800.000*	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	*056*	*17.266.720.000*	*1.327.230.000*
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	*058*	*17.266.720.000*	*1.327.230.000*
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	*071*	*691.000.000*	*487.000.000*
7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	*072*	-	*10.000.000*
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	*073*	*691.000.000*	*477.000.000*
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	**082**	**1.968.372.690.000**	**1.512.743.750.000**
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	**083**	**979.638.890.000**	**485.107.340.000**

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 2011 VNĐ	2010 VNĐ
1	**Doanh thu**		**723.404.923.120**	**498.614.767.911**
	Trong đó:			
1.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		50.538.741.098	96.745.008.013
1.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17	535.305.356.795	325.142.967.058
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.291.368.357	4.461.920.623
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.498.973.836	893.773.095
1.9	Doanh thu khác	18	131.770.483.034	71.371.099.122
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu**		**(48.090.339)**	**(438.198.511)**
10	**Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**723.356.832.781**	**498.176.569.400**
11	**Chi phí hoạt động kinh doanh**	19	**(494.692.011.753)**	**(436.415.803.750)**
20	**Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**228.664.821.028**	**61.760.765.650**
25	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	20	**(38.944.237.599)**	**(36.229.334.274)**
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**189.720.583.429**	**25.531.431.376**
31	Thu nhập khác		751.629.219	129.016.864
32	Chi phí khác		(459.596.814)	(2.448.149.024)
40	**Thu nhập/(chi phí) khác – số thuần**	21	**292.032.405**	**(2.319.132.160)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**190.012.615.834**	**23.212.299.216**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	22	**-**	**(945.724.346)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	22	**2.679.438.913**	**-**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**192.692.054.747**	**22.266.574.870**

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 2011 VNĐ	2010 VNĐ
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**190.012.615.834**	**23.212.299.216**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		8.868.230.553	10.288.383.429
03	Các khoản dự phòng		25.379.132.106	101.538.932.165
05	Lãi từ thanh lý tài sản cố định, từ hoạt động đầu tư và từ hợp đồng "reverse" repo		(221.339.244.962)	(183.982.923.893)
06	Chi phí lãi vay		316.247.638.885	173.486.179.610
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**319.168.372.416**	**124.542.870.527**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, và tài sản ngắn hạn khác		374.449.882.638	(1.163.521.330.057)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(285.308.150.780)	386.164.070.364
12	Giảm các chi phí trả trước		703.878.649	2.087.223.132
13	Tiền lãi vay đã trả		(107.723.611.111)	(183.502.777.779)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(33.098.343.465)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		99.457.200	-
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.500.000.000)	(2.146.250.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**298.889.829.012**	**(869.474.537.278)**
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.239.727.237)	(6.456.981.290)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		220.809.179	2.524.052
25	Tiền chi vào các khoản đầu tư dài hạn		(20.100.000.000)	(1.541.389.391.373)
26	Tiền thu từ bán chứng khoán dài hạn		13.499.995.376	38.623.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		220.326.324.846	78.337.034.620
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**211.707.402.164**	**(1.430.883.613.991)**
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
33	Tiền thu từ phát hành trái phiếu		-	3.200.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.500.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho Ngân hàng mẹ		-	(278.584.238.030)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**-**	**1.421.415.761.970**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**510.597.231.176**	**(878.942.389.299)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	3	**118.843.484.831**	**997.785.874.130**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	3	**629.440.716.007**	**118.843.484.831**

Trong năm có 1 nghiệp vụ phi tiền tệ trọng yếu là phân loại lại một số cổ phiếu từ chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn khác với tổng số tiền là 369.985.138.163 đồng.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Mẫu số B 05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	**1.500.000.000.000**	**50.726.788.438**	**71.349.189.320**	**277.358.994.433**	**1.899.434.972.191**
- Trích lập quỹ trong năm	-	1.052.066.564	1.052.066.564	(2.104.133.128)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.266.574.870	**22.266.574.870**
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(297.385.449.161)	**(297.385.449.161)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**1.500.000.000.000**	**51.778.855.002**	**72.401.255.884**	**135.987.014**	**1.624.316.097.900**
- Trích lập quỹ trong năm	-	10.025.788.171	10.025.788.171	(20.051.576.342)	-
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	192.692.054.747	**192.692.054.747**
- Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(172.776.465.419)	**(172.776.465.419)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	**1.500.000.000.000**	**61.804.643.173**	**82.427.044.055**	**-**	**1.644.231.687.228**

Hứa Chí Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Chung
Quyền Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng Khoán ACB được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/GPHĐKD cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000 và giấy phép sửa đổi số 271/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 11 năm 2009. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4104000006/GP-UB ngày 30 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 12 năm 2006. Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, một ngân hàng cổ phần thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB ("ACBC") được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP, kinh doanh trong lĩnh vực Quản lý quỹ. Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB là công ty con 100% vốn của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 279 nhân viên (2010: 300 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn ("chứng khoán kinh doanh") ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán ("giá gốc"). Sau đó, các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận theo giá vốn trừ đi các khoản dự phòng. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(b) Đầu tư dài hạn

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này.

Lãi hoặc lỗ từ bán chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán sẵn sàng để bán đã bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành. Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Cam kết mua và bán

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("repo") không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tài chính. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("reverse repo") không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	4%
Máy móc thiết bị	20% - 33%
Phương tiện vận tải	17%
Thiết bị quản lý	33%
Tài sản cố định khác	25% - 33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.12 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, Công ty vẫn tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo mức 2% tổng quỹ tiền lương cơ bản theo hướng dẫn của Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tiền gửi ngân hàng	629.440.716.007	118.843.484.831
Trong đó:		
Tiền gửi của Công ty	*511.447.471.607*	*52.991.267.831*
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	*117.993.244.400*	*65.852.217.000*

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31.12.2011				
	Giá trị sổ sách VNĐ	So với giá thị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	**1.048.786.631.076**	**332.002.272.581**	**(198.327.512.758)**	**1.182.461.390.899**	**(198.327.512.758)**
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	664.096.180.565	1.178.383.426	(196.554.946.091)	468.719.617.900	(196.554.946.091)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	379.716.850.511	330.823.889.155	(1.772.566.667)	708.768.172.999	(1.772.566.667)
- Trái phiếu	4.973.600.000	-	-	4.973.600.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	**2.497.796.299.809**	**-**	**(396.432.169.472)**	**2.101.364.130.337**	**(49.365.688.663)**
- Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	*4.221.960.000*	-	-	*4.221.960.000*	-
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn niêm yết	*1.663.575.509.809*	-	*(347.066.480.809)*	*1.316.509.029.000*	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	*779.998.830.000*	-	*(49.365.688.663)*	*730.633.141.337*	*(49.365.688.663)*
	3.546.582.930.885	**332.002.272.581**	**(594.759.682.230)**	**3.283.825.521.236**	**(247.693.201.421)**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	31.12.2010				
	Giá trị sổ sách VNĐ	So với giá thị trường Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Giá trị thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	**1.167.950.092.170**	**97.079.497.804**	**(189.595.135.662)**	**1.075.434.454.312**	**(189.595.135.662)**
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	890.777.086.061	539.921.747	(187.393.727.330)	703.923.280.478	(187.393.727.330)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	128.650.723.609	96.025.019.324	(2.201.408.332)	222.474.334.601	(2.201.408.332)
- Trái phiếu	4.973.600.000	514.556.733	-	5.488.156.733	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	143.548.682.500	-	-	143.548.682.500	-
(b) Đầu tư dài hạn	**2.121.211.157.022**	**-**	**(168.702.185.470)**	**1.952.508.971.552**	**(33.195.972.323)**
- Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	*4.221.960.000*	-	-	*4.221.960.000*	-
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn niêm yết	*1.293.590.371.646*	-	*(135.506.213.147)*	*1.158.084.158.499*	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	*773.398.825.376*	-	*(33.195.972.323)*	*740.202.853.053*	*(33.195.972.323)*
	3.289.161.249.192	**97.079.497.804**	**(358.297.321.132)**	**3.027.943.425.864**	**(222.791.107.985)**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết và trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do ba công ty chứng khoán độc lập cung cấp.

Biến động của các khoản đầu tư chứng khoán như sau:

	Số đầu năm VNĐ	Mua trong năm VNĐ	Bán trong năm VNĐ	Phân loại lại VNĐ	Số cuối năm VNĐ
(a) Đầu tư ngắn hạn	**1.167.950.092.170**	**3.528.119.209.426**	**(3.277.297.532.357)**	**(369.985.138.163)**	**1.048.786.631.076**
- Chứng khoán vốn niêm yết	890.777.086.061	287.188.345.198	(144.220.112.531)	(369.649.138.163)	664.096.180.565
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	128.650.723.609	1.655.975.264.228	(1.404.573.137.326)	(336.000.000)	379.716.850.511
- Trái phiếu	4.973.600.000	1.584.955.600.000	(1.584.955.600.000)	-	4.973.600.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	143.548.682.500	-	(143.548.682.500)	-	-
(b) Đầu tư dài hạn	**2.121.211.157.022**	**20.100.000.000**	**(13.499.995.376)**	**369.985.138.163**	**2.497.796.299.809**
- Đầu tư vào công ty con	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	4.221.960.000	-	-	-	4.221.960.000
- Đầu tư dài hạn khác					
+ Chứng khoán vốn niêm yết	1.293.590.371.646	-	-	369.985.138.163	1.663.575.509.809
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	773.398.825.376	20.100.000.000	(13.499.995.376)	-	779.998.830.000
	3.289.161.249.192	**3.548.219.209.426**	**(3.290.797.527.733)**	**-**	**3.546.582.930.885**

5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	3.500.000.000	555.497.064.800
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	652.307.856	924.435.784
	4.152.307.856	556.421.500.584

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Phải thu từ hợp đồng "reverse repo" ngắn hạn (*)	44.470.000.000	79.415.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng "reserve repo" ngắn hạn	6.977.343.000	35.062.857.000
Phải thu cổ tức	137.328.958.726	105.960.884.976
Phải thu đặt cọc đấu giá	729.000	3.244.519.000
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi (**)	134.743.563.154	238.644.644.775
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán không hưởng lãi (***)	128.211.089.332	15.989.939.204
Các khoản phải thu khác	2.111.927.474	1.862.222.307
	453.843.610.686	480.180.067.262

(*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng "reverse repo" sẽ đáo hạn trong năm 2012. Lãi suất trung bình được áp dụng cho những hợp đồng này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 0,9%/tháng (2010: 0,9%/tháng).

(**) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty được hưởng lãi suất cố định cho số tiền đã ứng trước với lãi suất bình quân dao động từ 14,4%/năm đến 25,2%/năm trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (2010: từ 14,4%/năm đến 19%/năm).

(***) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty không được hưởng lãi suất cho số tiền đã ứng trước này.

7 PHẢI THU DÀI HẠN

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Phải thu từ hợp đồng "reverse repo" dài hạn (*)	-	44.470.000.000
Lãi dự thu từ hợp đồng "reserve repo" dài hạn	-	2.107.878.000
	-	46.577.878.000

(*) Đây là tổng số tiền Công ty trả cho khách hàng cho các hợp đồng "reverse repo" có thời hạn trên 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất áp dụng cho những hợp đồng này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 0,9%/tháng (2010: 0,9%/tháng).

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, các hợp đồng này sẽ đáo hạn trong năm 2012, và do đó đã được phân loại lại thành khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6).

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	62.221.521.895	20.160.924.189	5.988.089.009	4.759.768.777	2.373.883.346	**95.504.187.216**
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	224.212.500	-	-	-	-	**224.212.500**
Mua trong năm	-	-	-	1.912.114.737	40.200.000	**1.952.314.737**
Thanh lý, nhượng bán	-	(140.640.000)	-	(133.960.016)	(590.601.354)	**(865.201.370)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	62.445.734.395	20.020.284.189	5.988.089.009	6.537.923.498	1.823.481.992	**96.815.513.083**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	6.273.646.454	16.385.674.124	3.613.541.180	711.360.078	1.507.502.503	**28.491.724.339**
Khấu hao trong năm	2.493.005.535	2.441.593.231	928.895.858	1.833.867.255	369.278.750	**8.066.640.629**
Thanh lý, nhượng bán	-	(152.195.700)	-	(73.768.187)	(256.666.670)	**(482.630.557)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	8.766.651.989	18.675.071.655	4.542.437.038	2.471.459.146	1.620.114.583	**36.075.734.411**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	55.947.875.441	3.775.250.065	2.374.547.829	4.048.408.699	866.380.843	**67.012.462.877**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	53.679.082.406	1.345.212.534	1.445.651.971	4.066.464.352	203.367.409	**60.739.778.672**

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 17.061.576.194 đồng (2010: 9.879.022.888 đồng).

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	2.423.827.984
Mua trong năm	57.300.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.481.127.984
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	442.676.049
Khấu hao trong năm	801.589.924
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.244.265.973
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.981.151.935
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.236.862.011

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	3.294.728.654	5.546.986.339
Tăng trong năm	1.404.311.930	315.117.954
Phân bổ trong năm	(1.669.233.034)	(2.567.375.639)
Tại ngày 31 tháng 12	3.029.807.550	3.294.728.654

10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi dưới 12 tháng	2.679.438.913	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trên 12 tháng	5.250.000.000	5.250.000.000
	7.929.438.913	5.250.000.000

10 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI (tiếp theo)

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu năm	5.250.000.000	5.250.000.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.679.438.913	-
Số dư cuối năm	7.929.438.913	5.250.000.000

Biến động trong năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được trình bày như sau:

	Các chênh lệch tạm thời được khấu từ VNĐ	Lỗ tính thuế chưa sử dụng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	5.250.000.000	-	5.250.000.000
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	2.679.438.913	2.679.438.913
Số dư cuối năm	5.250.000.000	2.679.438.913	7.929.438.913

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/QD-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa theo tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng.

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Số dư đầu năm	8.334.305.315	6.334.305.315
Tiền nộp bổ sung	1.934.459.035	1.286.347.690
Tiền lãi phân bổ	565.540.965	713.652.310
Số dư cuối năm	10.834.305.315	8.334.305.315

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Thuế thu nhập cá nhân	1.040.221.934	1.018.904.186
Các loại thuế khác	463.042.296	18.232.108.458
	1.503.264.230	19.251.012.644

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Lãi trái phiếu phải trả	234.792.361.112	26.268.333.338
Phí giao dịch trả Trung tâm lưu ký, Sở Giao dịch chứng khoán	1.538.701.790	2.549.225.906
Chi phí hoa hồng đại lý nhận lệnh (Thuyết minh 23(b))	793.010.589	1.165.414.078
Chi phí khác	31.560.870	-
	237.155.634.361	29.982.973.322

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	36.755.156	35.316.590
Doanh thu chưa thực hiện	-	3.030.303
Phải trả lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ (Thuyết minh 23(b))	191.577.676.550	18.801.211.131
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	59.296.943.120	320.514.003.798
	250.911.374.826	339.353.561.822

(*) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là khoản tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của các bên thứ ba cho các giao dịch chứng khoán với Công ty.

15 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	1.500.000.000.000	-

(b) Vay dài hạn

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Trái phiếu phát hành	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
Trừ: Trái phiếu phát hành đến hạn trả	(1.500.000.000.000)	-
	700.000.000.000	2.200.000.000.000

Công ty phát hành 22.000.000 (hai mươi hai triệu) trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, và mức lãi suất dao động từ 11,4%/năm đến 15,6%/năm (2010: 11,4%/năm đến 14,3%/năm). Toàn bộ trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2012 và 2013.

16 CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính.

17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Lãi từ thanh lý chứng khoán ngắn hạn	294.480.834.357	51.962.362.759
Lãi từ thanh lý chứng khoán sẵn sàng để bán	-	2.067.000.000
Lãi từ thực hiện quyền mua cổ phiếu	-	99.379.732.500
Thu nhập cổ tức	200.807.397.485	165.877.934.212
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	40.017.124.953	5.855.937.587
	535.305.356.795	325.142.967.058

18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.300.361.107	25.755.499.716
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.853.484.175	6.297.948.651
Lãi thưởng từ ngân hàng mẹ (*)	97.113.606.531	-
Lãi từ hợp đồng "reverse repo"	20.693.609.111	16.067.875.605
Hoa hồng ứng tiền ngày T	5.404.397	1.275.866.252
Doanh thu nội bộ (Thuyết minh 23(a))	1.478.294.660	1.813.576.682
Doanh thu khác	325.723.053	20.160.332.216
	131.770.483.034	71.371.099.122

(*) Trong năm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ") đã thanh toán lãi thưởng trên số dư tiền gửi thanh toán mở tại Ngân hàng mẹ của khách hàng giao dịch chứng khoán mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Công ty.

19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	7.638.623.792	20.861.666.249
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	41.660.590.813	81.247.911.401
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	9.377.699.365	6.029.403.937
Chi phí dự phòng	24.902.093.436	101.538.932.165
Chi phí lãi trái phiếu	316.247.638.885	173.486.179.610
Chi phí nhân viên	38.332.307.594	30.482.480.915
Khấu hao tài sản cố định	4.620.924.490	5.191.937.856
Các chi phí khác	51.912.133.378	17.577.291.617
	494.692.011.753	436.415.803.750

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Khấu hao tài sản cố định	4.247.306.063	5.096.445.573
Chi phí nhân viên	16.464.586.486	14.207.187.143
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	116.221.549	170.589.417
Chi phí công cụ, đồ dùng	535.236.169	600.268.510
Thuế, phí, lệ phí	67.855.979	119.877.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.526.715.685	9.961.206.190
Dự phòng các khoản nợ khó đòi	477.038.670	-
Chi phí bằng tiền khác	4.509.276.998	6.073.760.441
	38.944.237.599	36.229.334.274

21 THU NHẬP/(CHI PHÍ) KHÁC - SỐ THUẦN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Thu nhập khác		
Tiền thu được do thanh lý tài sản cố định	220.809.179	500.000
Thu nhập khác	530.820.040	128.516.864
	751.629.219	129.016.864
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định bị thanh lý	382.570.813	30.385.924
Chi phí khác	77.026.001	2.417.763.100
	459.596.814	2.448.149.024
Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần	292.032.405	(2.319.132.160)

22 THUẾ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	945.724.346
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 10)	(2.679.438.913)	-
	(2.679.438.913)	945.724.346

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	190.012.615.834	23.212.299.216
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	47.503.153.959	5.803.074.804
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(50.201.849.371)	(41.469.483.553)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	19.256.500	311.507.347
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	35.354.901.402
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	945.724.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.679.438.912)	945.724.346

(*) Thu nhập chịu thuế của Công ty sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế năm 2009, năm 2010 và năm 2011.

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("Ngân hàng mẹ") do sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Ngân hàng mẹ		
Doanh thu hoạt động môi giới	406.749.490	382.715.700
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	-	431.818.182
Doanh thu từ nghiệp vụ ứng tiền ngày T	5.404.397	1.275.866.252
Lãi tiền gửi ngân hàng	105.239.476.691	25.416.253.639
Thu nhập khác (Thuyết minh 18) (*)	1.478.294.660	1.813.576.682
	107.129.925.238	29.320.230.455

(*) Thu nhập khác phát sinh từ tiền thuê mặt bằng thu được từ Ngân hàng mẹ do sử dụng chung mặt bằng với Công ty tại phòng giao dịch Trương Định.

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh cho Ngân hàng mẹ	4.943.277	6.647.843.805
Phí ủy thác đầu tư trả cho Ngân hàng mẹ	585.983.220	99.727.411
Mua công cụ dụng cụ từ Ngân hàng mẹ	-	338.254.420
Phí thanh toán cho các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	5.561.053.937	2.940.475.786
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	246.132.531	35.500.000
	6.398.112.965	10.061.801.422

iii) Bán tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Doanh thu từ bán tài sản cố định cho Ngân hàng mẹ	115.536.450	-

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

iv) Mua tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011	31.12.2010
	VNĐ	VNĐ
Mua tài sản cố định từ Ngân hàng mẹ	-	725.503.146

v) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011	31.12.2010
	VNĐ	VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.527.427.936	3.621.360.290

vi) Hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011	31.12.2010
	VNĐ	VNĐ
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	172.776.465.419	297.385.449.161
Cổ tức nhận từ Công ty con	1.821.200.323	1.225.243.597
Mua chứng khoán nợ từ Ngân hàng mẹ	1.297.000.000.000	-
Bán chứng khoán vốn cho Ngân hàng mẹ	10.000.000.000	-

vii) Ủy thác đầu tư chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2011	31.12.2010
	VNĐ	VNĐ
Tăng ủy thác đầu tư tại Ngân hàng mẹ	-	225.500.000.000

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	626.440.959.400	118.566.226.798
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào Công ty TNHH Quản lý Quỹ ACB	50.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư chứng khoán		
Ủy thác đầu tư cho Ngân hàng mẹ	372.499.335.375	372.499.335.375
Chi phí phải trả (Thuyết minh 13)		
Phí hoa hồng đại lý nhận lệnh phải trả cho Ngân hàng mẹ	793.010.589	1.165.414.078
Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 14)		
Phải trả lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	191.577.676.549	18.801.211.131

24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2011 VNĐ	31.12.2010 VNĐ
Dưới 1 năm	6.630.706.561	7.219.314.882
Từ 1 đến 5 năm	19.316.456.684	14.184.805.529
Trên 5 năm	-	1.278.262.135
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	25.947.163.245	22.682.382.546

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường đối với Công ty bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

(i) Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể bởi các cơ quan quản lý.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về tiền tệ của Công ty là không trọng yếu.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư và các khoản phải thu khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức thanh toán do Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Trưởng phòng Giao dịch và Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty lập dự phòng cho các khoản phải thu có nguy cơ bị tổn thất như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tổng số phải thu	459.222.191.117	1.036.887.975.687
Trừ: Dự phòng nợ giảm giá	(716.718.670)	(239.680.000)
	458.505.472.447	1.036.648.295.687

Biến động của số dư dự phòng như sau:

Số đầu kỳ	239.680.000	239.680.000
Lập dự phòng giảm giá trong năm	477.038.670	-
Số cuối kỳ	716.718.670	239.680.000

25 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	1.500.000.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	700.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	126.599.779.715	-	-
Nợ tài chính khác	499.895.203.069	-	-
	2.126.494.982.784	700.000.000.000	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010			
Vay dài hạn	-	2.200.000.000.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	130.754.706.055	-	-
Nợ tài chính khác	382.080.447.251	-	-
	512.835.153.306	2.200.000.000.000	-

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phát sinh.

(d) Giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt đối với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hay công nợ tài chính của Công ty.

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Công ty sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

26 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm nay.

Báo cáo tài chính đã được Quyền Tổng Giám đốc duyệt ngày 2 tháng 3 năm 2012.

Hứa Chí Hùng Kế toán trưởng	Nguyễn Ngọc Chung Quyền Tổng Giám đốc